

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Phạm Thị Bích Lệ

- Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chiêm Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Thu Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 265/TLST-HNGĐ, ngày 06/10/2020, về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Lê Hiệp H** - sinh năm 1954

Địa chỉ: thôn TT, xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

- Bị đơn: bà **Huỳnh Thị X** - sinh năm 1955

Địa chỉ: thôn TT, xã HT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Hiệp H trình bày: ông và bà Huỳnh Thị X xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1976, do không hiểu biết pháp luật nên từ đó đến nay chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc và có chung với nhau 5 đứa con. Từ năm 1990 vợ chồng thường có những bất hòa, do bà X không còn tôn trọng ông nữa, nhưng vì thương con ông vẫn tiếp tục sống chung với gia đình, đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bà X có những lời lẽ xúc phạm đến ông và đem quần áo đồ đạc ông ra cắt bỏ hết, thấy không thể tiếp tục sống chung với gia đình được nữa, nên ông đã ra đi, tự lo cuộc sống cho riêng ông cho đến nay, ông không quan tâm đến bà X nữa.

Nay ông xác định, giữa ông và bà X không còn tình cảm vợ chồng nữa, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung đã chấm dứt, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

- Về con chung: có 05 con chung: Lê Thị Huỳnh Th - sinh năm 1978, Lê Thị Huỳnh Th - sinh năm 1980, Lê Huỳnh Th - sinh năm 1983, Lê Huỳnh Th - sinh năm 1986 và Lê Thị Huỳnh Th- sinh năm 1988, tất cả các con ông đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn bà Huỳnh Thị X, mặc dù bà đã được cán bộ phụ nữ thôn TT giao giấy triệu tập nhiều lần, nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Thẩm phán trực tiếp đến nhà làm việc với bà, bà cho biết là ông H đã bỏ nhà ra đi theo người phụ nữ khác từ năm 1990 đến nay không quan tâm gì đến gia đình, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa, nhưng bà không ký nhận các văn bản tố tụng và bà cũng không đến Tòa án để làm việc vì bà không có lỗi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư số 01/2001/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Hiệp H

- Về hôn nhân: ông Lê Hiệp H được ly hôn với bà Huỳnh Thị X.

- Về con chung: có 05 con chung: Lê Thị Huỳnh Th - sinh năm 1978, Lê Thị Huỳnh Th - sinh năm 1980, Lê Huỳnh Th - sinh năm 1983, Lê Huỳnh Th - sinh năm 1986 và Lê Thị Huỳnh Th- sinh năm 1988, tất cả ông đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

- Về án phí: ông Lê Hiệp H trên 60 tuổi được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà X, xét yêu cầu của đương sự, thì đây là vụ kiện “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Đối với bị đơn bà Huỳnh Thị X, trong quá trình giải quyết vụ án bà không hợp tác, cố tình lẩn tránh, Thẩm phán trực tiếp đến nhà làm việc với bà, bà cho biết là ông H đã bỏ nhà ra đi theo người phụ nữ khác từ năm 1990 đến nay không quan tâm gì đến gia đình, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông H nữa, nhưng bà không ký nhận các văn bản tố tụng và bà cũng không đến Tòa án để làm việc vì bà không có lỗi, nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà cũng không đến tòa để tham gia tố tụng, do đó áp dụng b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông H và bà X được xác lập trên cơ sở tự nguyện từ năm 1976 (trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực), từ đó đến nay họ chưa đăng ký kết hôn, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, trong trường hợp một trong hai bên có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Theo ông H trình bày, từ năm 1990 vợ chồng thường có những bất hòa, do bà X không còn tôn trọng ông nữa, nhưng vì thương con ông vẫn tiếp tục sống chung với gia đình, đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bà X có những lời lẽ xúc phạm đến ông và đem quần áo đồ đạc ông ra cắt bỏ hết, thấy không thể tiếp tục sống chung với gia đình được nữa, nên ông đã ra đi, tự lo cuộc sống cho riêng ông cho đến nay, ông không quan tâm đến bà X nữa.

Như vậy, có căn cứ khẳng định kể từ năm 1990 hôn nhân không đạt được hạnh phúc, giữa họ đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng đến quyền và nghĩa vụ đối với nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nên họ đã tự sống ly thân không quan tâm đến nhau. Do đó yêu cầu xin ly hôn của ông H đối với bà X là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 05 con chung đã thành niên.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông H khai không có.

[3] Về án phí: ông H là người cao tuổi (trên 60 tuổi), được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở đúng pháp luật, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Thông tư số 01/2001/TTLT/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị

quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* cho ông Lê Hiệp H ly hôn với bà Huỳnh Thị X.

2. *Về con chung:* có 05 con chung Lê Thị Huỳnh Th - sinh năm 1978, Lê Thị Huỳnh Th - sinh năm 1980, Lê Huỳnh Th - sinh năm 1983, Lê Huỳnh Th - sinh năm 1986 và Lê Thị Huỳnh Th- sinh năm 1988, tất cả đã thành niên.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* không có

4. *Về án phí:* ông H là người cao tuổi, được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm. thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

5. *Về quyền kháng cáo:* án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2021). Đối với bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã HT
- Dương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch